

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24



CNT42/A/121
L2698-60004

Số: 354 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		303.472.120.588	232.881.098.700
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	126.659.994.615	83.664.567.396
1. Tiền	111		35.331.574.513	29.778.160.021
2. Các khoản tương đương tiền	112		91.328.420.102	53.886.407.375
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.347.530.305	102.775.807.505
1. Phải thu khách hàng	131		112.334.480.223	102.027.917.784
2. Trả trước cho người bán	132		8.524.774.651	3.893.565.396
3. Các khoản phải thu khác	135		150.999.283	3.087.791.130
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(4.662.723.852)	(6.233.466.805)
III. Hàng tồn kho	140	7	54.490.283.280	41.151.120.966
1. Hàng tồn kho	141		54.490.283.280	41.151.120.966
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.974.312.388	5.289.602.833
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.611.057.480	1.297.021.836
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		441.516.468	372.831.432
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		406.970.840	317.610.555
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.514.767.600	3.302.139.010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+260)	200		476.665.747.942	457.409.004.580
I. Tài sản cố định	220		239.140.263.824	222.920.130.107
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	126.522.287.824	152.110.626.139
- Nguyên giá	222		287.209.572.236	284.126.996.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.687.284.412)	(132.016.370.445)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.055.216.925	1.142.955.231
- Nguyên giá	228		2.011.001.600	2.011.001.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(955.784.675)	(868.046.369)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	111.562.759.075	69.666.548.737
II. Bất động sản đầu tư	240	11	156.447.906.493	158.137.919.587
- Nguyên giá	241		179.427.019.447	177.250.751.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(22.979.112.954)	(19.112.831.550)
III. Tài sản dài hạn khác	260		81.077.577.625	76.350.954.886
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	71.965.562.030	68.713.383.099
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	2.303.233.713	2.528.118.791
3. Tài sản dài hạn khác	268		6.808.781.882	5.109.452.996
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		780.137.868.530	690.290.103.280

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		294.044.478.920	233.458.384.954
I. Nợ ngắn hạn	310		106.502.847.018	51.857.106.316
1. Phải trả người bán	312		25.516.177.835	14.911.581.546
2. Người mua trả tiền trước	313		1.845.215.964	6.537.240.265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	23.296.013.939	6.875.107.853
4. Phải trả người lao động	315		12.144.134.990	4.461.014.779
5. Chi phí phải trả	316		352.001.091	395.748.091
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		30.559.687.504	9.635.019.013
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.789.615.695	9.041.394.769
II. Nợ dài hạn	330		187.541.631.902	181.601.278.638
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337	15	25.186.467.810	23.889.375.096
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	162.355.164.092	157.711.903.542
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		486.093.389.610	456.831.718.326
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	486.093.389.610	456.831.718.326
1. Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.000.000.000	37.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		168.873.103.898	164.082.118.241
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		33.373.280.752	28.582.295.095
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		66.847.004.960	47.167.304.990
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		780.137.868.530	690.290.103.280

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	3.345.957	2.768.425
Euro (EUR)		7



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		624.012.435.571	538.559.978.005
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.037.633	28.330.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	624.008.397.938	538.531.647.460
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	404.362.129.321	346.472.508.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		219.646.268.617	192.059.139.098
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.713.475.575	1.904.891.983
7. Chi phí tài chính	22		-	2.408.775.850
8. Chi phí bán hàng	24		67.647.930.885	52.374.004.007
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.080.348.856	29.163.655.748
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		119.631.464.451	110.017.595.476
11. Thu nhập khác	31		11.650.772.248	7.688.087.288
12. Chi phí khác	32		5.972.339.354	5.187.568.649
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	5.678.432.894	2.500.518.639
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		125.309.897.345	112.518.114.115
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	28.324.975.407	29.696.974.828
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	224.885.078	(455.936.535)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		96.760.036.860	83.277.075.822
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	5.335	4.556


Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởngTrần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>125.309.897.345</i>	<i>112.518.114.115</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	32.405.816.619	32.812.013.996
Các khoản dự phòng	03	(1.570.742.953)	430.559.970
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(940.323.729)	(810.303.316)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(859.705.358)	(1.603.263.666)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>154.344.941.924</i>	<i>143.347.121.099</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(10.054.513.300)	19.429.500.684
Thay đổi hàng tồn kho	10	(13.339.162.314)	(7.844.573.676)
Thay đổi các khoản phải trả	11	53.258.175.088	(6.400.627.383)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(5.566.214.575)	(229.523.411)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29.588.044.220)	(27.114.149.555)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.496.597.692)	(22.119.014.652)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	138.558.584.911	99.068.733.106
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(45.429.422.301)	(49.414.859.519)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.209.272.727	1.830.675.000
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	716.668.153	1.078.993.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(42.503.481.421)	(46.505.190.533)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(54.000.000.000)	(59.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(54.000.000.000)	(59.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	42.055.103.490	(6.836.457.427)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	83.664.567.396	89.690.721.507
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	940.323.729	810.303.316
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	126.659.994.615	83.664.567.396

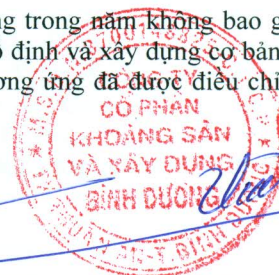
Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 4.582.110.000 đồng (năm 2013 là 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế điều chỉnh số 3700148825 ngày 09 tháng 3 năm 2012, Công ty tăng vốn điều lệ lên 180.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hiện đang sở hữu 50,05% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49,95%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 508 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 506 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cấu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và tài sản dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại Xã Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Thuê tài sảnCông ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê đất tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuê trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng bắt đầu từ khi đưa bất động sản vào khai thác và sử dụng đến hết thời gian đầu tư của dự án vào năm 2053.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá và chi phí cải tạo các mỏ đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ một đến ba năm. Riêng các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại mỏ đá Tân Mỹ được phân bổ theo sản lượng khai thác theo thời gian hoạt động của mỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê nhận trước nhiều năm được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

1250
II N
ÔNG
NHIỆ
LỢI
T M
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn cổ phần khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn cổ phần.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Trong năm, Công ty thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12%
Quỹ đầu tư phát triển	5%
Quỹ dự phòng tài chính	5%

Riêng Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được trích trong năm 2014 là 2.000.000.000 đồng.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	579.190.575	814.603.091
Tiền gửi ngân hàng	34.752.383.938	28.963.556.930
Các khoản tương đương tiền	91.328.420.102	53.886.407.375
	<u>126.659.994.615</u>	<u>83.664.567.396</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn là 3 tháng hoặc ngắn hơn. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định 0,3%/năm đối với tiền gửi kỳ hạn bằng Đô la Mỹ và lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm đối với tiền gửi kỳ hạn bằng Việt Nam Đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

Thay đổi trong khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	(6.233.466.805)	(5.802.906.835)
Trích trong năm	-	(430.559.970)
Hoàn nhập trong năm	<u>1.570.742.953</u>	<u>-</u>
Số dư cuối năm	<u>(4.662.723.852)</u>	<u>(6.233.466.805)</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.698.498.454	10.192.422.159
Công cụ, dụng cụ	453.467.512	441.168.091
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	333.166.100	208.971.978
Thành phẩm	43.965.766.059	30.293.178.935
Hàng hóa	39.385.155	15.379.803
	<u>54.490.283.280</u>	<u>41.151.120.966</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	94.377.446.986	142.371.454.471	44.994.403.372	2.383.691.755	284.126.996.584
Mua trong năm	-	1.948.303.507	1.360.567.636	-	3.308.871.143
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.460.161.182	226.296.591	-	-	2.686.457.773
Thanh lý	-	(2.759.561.481)	(112.756.783)	(40.435.000)	(2.912.753.264)
Tại ngày 31/12/2014	96.837.608.168	141.786.493.088	46.242.214.225	2.343.256.755	287.209.572.236
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	31.331.521.011	67.407.752.760	31.899.202.129	1.377.894.545	132.016.370.445
Khấu hao trong năm	8.983.172.434	14.996.652.849	5.306.905.089	174.217.644	29.460.948.016
Thanh lý	-	(636.842.266)	(112.756.783)	(40.435.000)	(790.034.049)
Tại ngày 31/12/2014	40.314.693.445	81.767.563.343	37.093.350.435	1.511.677.189	160.687.284.412
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	56.522.914.723	60.018.929.745	9.148.863.790	831.579.566	126.522.287.824
Tại ngày 31/12/2013	63.045.925.975	74.963.701.711	13.095.201.243	1.005.797.210	152.110.626.139

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 62.494.527.874 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 29.510.504.367 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	<u>1.807.721.600</u>	<u>203.280.000</u>	<u>2.011.001.600</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	677.027.519	191.018.850	868.046.369
Khấu hao trong năm	75.477.156	12.261.150	87.738.306
Tại ngày 31/12/2014	<u>752.504.675</u>	<u>203.280.000</u>	<u>955.784.675</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.055.216.925</u>	<u>-</u>	<u>1.055.216.925</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.130.694.081</u>	<u>12.261.150</u>	<u>1.142.955.231</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Khu Công nghiệp Đất Cước - Quy hoạch mở rộng	63.213.066.063	53.535.705.062
Mỏ cao lanh Tân Lập	1.219.545.455	1.185.000.000
Mỏ đá Tân Mỹ	-	645.877.769
Mỏ đá Phước Vĩnh	12.337.234.800	10.724.650.800
Mỏ sét Phước Hòa	1.300.000.000	-
Khu dịch vụ	28.082.453.357	1.594.818.837
Mỏ cao lanh Minh Long	2.908.532.064	-
Khác	2.501.927.336	1.980.496.269
	<u>111.562.759.075</u>	<u>69.666.548.737</u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	30.436.883.639	146.813.867.498	177.250.751.137
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.176.268.310	2.176.268.310
Tại ngày 31/12/2014	<u>30.436.883.639</u>	<u>148.990.135.808</u>	<u>179.427.019.447</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	6.298.012.576	12.814.818.974	19.112.831.550
Khấu hao trong năm	1.308.446.464	2.557.834.940	3.866.281.404
Tại ngày 31/12/2014	<u>7.606.459.040</u>	<u>15.372.653.914</u>	<u>22.979.112.954</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>22.830.424.599</u>	<u>133.617.481.894</u>	<u>156.447.906.493</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>24.138.871.063</u>	<u>133.999.048.524</u>	<u>158.137.919.587</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	68.713.383.099	66.293.421.100
Tăng trong năm	17.032.309.746	18.684.999.899
Phân bổ vào chi phí trong năm	(13.780.130.815)	(4.950.598.047)
Chuyển qua chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	(11.314.439.853)
Số dư cuối năm	<u>71.965.562.030</u>	<u>68.713.383.099</u>

Trong năm, Công ty có thay đổi cách thức phân bổ đối với một số khoản chi phí trả trước dài hạn liên quan đến chi phí bóc phủ ở mỏ Tân Mỹ từ phân bổ theo sản lượng khai thác sang phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, việc thay đổi cách thức phân bổ này nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình khai thác thực tế mỏ Tân Mỹ. Nếu thực hiện theo cách thức phân bổ của các năm trước thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng 1.308.284.502 đồng và khoản chi phí trả trước dài hạn sẽ tăng một khoản tương ứng.

13. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	4.960.841.135	(2.888.658.879)	2.072.182.256
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.011.502.639	(555.566.104)	455.936.535
Tại ngày 31/12/2013	5.972.343.774	(3.444.224.983)	2.528.118.791
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(431.320.856)	206.435.778	(224.885.078)
Tại ngày 31/12/2014	<u>5.541.022.918</u>	<u>(3.237.789.205)</u>	<u>2.303.233.713</u>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.541.022.918	(3.444.224.983)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(3.237.789.205)	5.972.343.774
	<u>2.303.233.713</u>	<u>2.528.118.791</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.569.992.476	4.833.061.289
Thuế tài nguyên	2.005.197.657	816.459.831
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Phí bảo vệ môi trường	569.588.075	174.908.310
Thuế giá trị gia tăng	2.082.228.949	1.050.678.423
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	15.069.006.782	-
	23.296.013.939	6.875.107.853

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí cải tạo môi trường	18.694.602.810	17.226.226.221
Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ cát Dầu Tiếng	41.647.027	-
Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ đá Tân Mỹ	2.389.335.917	500.000.000
Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ đá Tân Đông Hiệp	8.658.000.000	8.658.000.000
Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ đá Phước Vĩnh	7.179.912.000	7.000.000.000
Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ sét Khánh Bình	331.908.692	278.080.506
Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ cao lanh Tân Lập	93.799.174	790.145.715
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	6.491.865.000	6.663.148.875
	25.186.467.810	23.889.375.096

Thay đổi trong khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Chi phí cải tạo môi trường VND	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	13.266.724.189	6.383.630.805
Trích trong năm	6.097.625.000	279.518.070
Sử dụng trong năm	(2.138.122.968)	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	17.226.226.221	6.663.148.875
Trích trong năm	2.512.379.804	-
Sử dụng trong năm	(1.044.003.215)	-
Hoàn nhập trong năm	-	(171.283.875)
Số dư tại ngày 31/12/2014	18.694.602.810	6.491.865.000

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	157.711.903.542	142.979.729.478
Tăng trong năm	13.379.699.899	26.148.931.881
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(8.736.439.349)	(11.416.757.817)
Số dư cuối năm	162.355.164.092	157.711.903.542

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện các khoản tiền thuê và phí quản lý nhận trước từ việc cho thuê đất tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc với thời hạn thuê trung bình 47 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2014	31/12/2013
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	180.000.000.000	37.000.000.000	131.678.773.009	24.481.753.296	73.795.741.595	446.956.267.900
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	83.277.075.822	83.277.075.822
Trích lập vào các quỹ	-	-	4.100.541.799	4.100.541.799	(22.202.708.994)	(14.001.625.396)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(59.400.000.000)	(59.400.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	-	28.302.803.433	-	(28.302.803.433)	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	180.000.000.000	37.000.000.000	164.082.118.241	28.582.295.095	47.167.304.990	456.831.718.326
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	96.760.036.860	96.760.036.860
Trích lập vào các quỹ	-	-	4.790.985.657	4.790.985.657	(23.080.336.890)	(13.498.365.576)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	180.000.000.000	37.000.000.000	168.873.103.898	33.373.280.752	66.847.004.960	486.093.389.610

Trong năm 2014, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2013 là 27.000.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2013 với tỷ lệ là 15% mệnh giá và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 là 27.000.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 với tỷ lệ 15% mệnh giá.

Trong năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính lần lượt là 13.498.365.576 đồng, 4.790.985.657 đồng, 4.790.985.657 đồng và quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 2.000.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014. Số liệu trích các quỹ sau cùng sẽ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.

Trong năm 2014, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của Công ty là 940.323.729 đồng. Khoản tiền này không được sử dụng để chia lãi cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	598.614.238.701	510.296.619.983
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	25.394.159.237	28.235.027.477
	<u>624.008.397.938</u>	<u>538.531.647.460</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	387.700.058.310	329.655.920.087
Giá vốn cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	16.662.071.011	16.816.588.275
	<u>404.362.129.321</u>	<u>346.472.508.362</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.338.814.458	39.179.732.724
Chi phí nhân công	69.331.667.815	51.667.961.467
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.405.816.619	31.882.963.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	282.542.183.404	248.834.099.020
Chi phí khác	80.471.926.766	56.445.411.897
	<u>506.090.409.062</u>	<u>428.010.168.117</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	773.151.846	1.094.588.667
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	940.323.729	810.303.316
	<u>1.713.475.575</u>	<u>1.904.891.983</u>

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản	2.209.272.727	1.950.000.000
Tiền được bồi thường, tiền phạt chậm trả	5.598.325.825	1.676.652.802
Các khoản thu nhập khác	3.843.173.696	4.061.434.486
Thu nhập khác	<u>11.650.772.248</u>	<u>7.688.087.288</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	2.122.719.215	1.441.325.001
Các khoản khác	3.849.620.139	3.746.243.648
Chi phí khác	<u>5.972.339.354</u>	<u>5.187.568.649</u>
Lợi nhuận khác	<u>5.678.432.894</u>	<u>2.500.518.639</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	125.309.897.345	112.518.114.115
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(940.323.729)	(2.222.264.416)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.380.314.599	8.492.049.614
Thu nhập chịu thuế	128.749.888.215	118.787.899.313
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.324.975.407	29.696.974.828

Từ năm 2014, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cơ bản có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	96.760.036.860	83.277.075.822
Trừ lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(940.323.729)	(810.303.316)
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	224.885.078	(455.936.535)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	96.044.598.209	82.010.835.971
Cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
Lãi trên cổ phiếu	5.335	4.556

25. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	6.590.646.178	6.624.163.613

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.964.599.535	4.499.498.960
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	18.682.629.546	17.653.814.021
Sau năm năm	162.864.746.663	157.965.877.853
	186.511.975.744	180.119.190.834

Các khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản tiền thuê phải thu từ việc cho thuê đất tại Khu công nghiệp Đất Cước với thời hạn thuê trung bình 47 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh khoáng sản và lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoạt động kinh doanh khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng		
Doanh thu	598.614.238.701	520.252.172.167
Giá vốn	(387.700.058.310)	(333.831.053.265)
Lợi nhuận gộp	<u>210.914.180.391</u>	<u>186.421.118.902</u>

Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác

Doanh thu	25.394.159.237	18.279.475.293
Giá vốn	(16.662.071.011)	(12.641.455.097)
Lợi nhuận gộp	<u>8.732.088.226</u>	<u>5.638.020.196</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó điều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.659.994.615	83.664.567.396
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.893.743.106	98.882.242.109
Tài sản dài hạn khác	6.808.781.882	5.109.452.996
Tổng cộng	241.362.519.603	187.656.262.501
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	55.289.587.554	23.034.991.615
Chi phí phải trả	352.001.091	395.748.091
Tổng cộng	55.641.588.645	23.430.739.706

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị còn lại ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	71.519.833.440	58.372.237.119	-	-
Euro (EUR)	186.565	209.142	-	-

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm.

012
CHI
CÔN
CH NH
DEL
VIỆT
- TP

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.659.994.615	-	126.659.994.615
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.893.743.106	-	107.893.743.106
Tài sản dài hạn khác	-	6.808.781.882	6.808.781.882
Tổng cộng	234.553.737.721	6.808.781.882	241.362.519.603
Phải trả người bán và phải trả khác	55.289.587.554	-	55.289.587.554
Chi phí phải trả	352.001.091	-	352.001.091
Tổng cộng	55.641.588.645	-	55.641.588.645
Chênh lệch thanh khoản thuần	178.912.149.076	6.808.781.882	185.720.930.958
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.664.567.396	-	83.664.567.396
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.882.242.109	-	98.882.242.109
Tài sản dài hạn khác	-	5.109.452.996	5.109.452.996
Tổng cộng	182.546.809.505	5.109.452.996	187.656.262.501
Phải trả người bán và phải trả khác	23.034.991.615	-	23.034.991.615
Chi phí phải trả	395.748.091	-	395.748.091
Tổng cộng	23.430.739.706	-	23.430.739.706
Chênh lệch thanh khoản thuần	159.116.069.799	5.109.452.996	164.225.522.795

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Ban Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>2.835.454.000</u>	<u>2.574.193.129</u>

29. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP (“Nghị định 203”) quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nghị định 203 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2014. Căn cứ theo Nghị định 203, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng địa chất còn lại kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tại ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ có ban hành Công văn số 723/TTg-KTN đồng ý chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho phần trữ lượng đã khai thác trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và giao Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, việc xác định và ghi nhận giá trị quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tùy thuộc vào quyết định và hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong năm, Công ty đã thực hiện tính toán và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dựa trên sản lượng khoáng sản thực tế khai thác được trong năm 2014.



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015



Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

www.deloitte.com/vn

© 2014 Deloitte Việt Nam

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750